

## Tiến sĩ Tạ Tương, một trí thức xứ Quảng

Võ Nguyên Phong<sup>(\*)</sup>

Tiến sĩ Tạ Tương (謝瓌) sinh năm Đinh tỵ (1857)<sup>1</sup>, ông người làng Chánh Lộ, nay thuộc phường Nghĩa Lộ, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi. Làng Chánh Lộ năm 1813 là xã Cù Mông<sup>2</sup>, tổng Trung, huyện Chương Nghĩa, phủ Tư Nghĩa, trấn Quảng Ngãi. Năm 1876 là xã Chánh Mông<sup>3</sup>, tổng Nghĩa Điền, huyện Chương Nghĩa, phủ Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi. Năm 1905 là làng Chánh Lộ<sup>4</sup>, tổng Nghĩa Điền, huyện Chương Nghĩa, phủ Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi. Tạ Tương là một trong 5 người đỗ tiến sĩ ở Quảng Ngãi thời nhà Nguyễn, đó là: Trương Đăng Trình (đỗ tam giáp năm 1842), Kiều Lâm (đỗ tam giáp năm 1862), Tạ Tương (đỗ tam giáp năm 1892), Đỗ Quân (đỗ tam giáp năm 1895), Lê Ngải (đỗ tam giáp năm 1901). Tiến sĩ Tạ Tương xuất thân từ một dòng họ khoa bảng ở Quảng Ngãi với nhiều đời đỗ đạt. Cha ông là cử nhân Tạ Tuyên - đỗ cử nhân khoa thi hương năm Tân dậu ở trường thi Thừa Thiên (năm 1861)<sup>5</sup>, con ông là cử nhân Tạ Hàm - đỗ giải nguyên khoa thi hương năm Canh tý ở trường thi Bình Định (năm 1900)<sup>6</sup>.

Ông là một trong những nhà đỗ đại khoa của miền đất Ấn Trà rất nổi tiếng và hành trạng được ghi chép trong chính sử. Với miền đất Quảng Ngãi dân gian có câu: “hòn Ấn lán hòn Bút”, có nghĩa người Quảng Ngãi làm lớn thì không học cao. Điển hình trong ba tước công ở đất Quảng Ngãi, có Thái bảo quận công Lê Văn Duyệt chưa từng qua khoa cử; Tuy Thạnh quận công Trương Đăng Quế chỉ đỗ hương cống (về sau gọi là cử nhân) ở kỳ thi hương năm Kỷ mao (1819); Diên Lộc quận công Nguyễn Thân là tập ấm xuất thân, cũng chưa từng qua khoa cử. Chính vì vậy cho dù chưa làm quan đến tột đỉnh về phẩm trật, nhưng tiến sĩ Tạ Tương là nhân vật đỗ đại khoa điển hình mẫu mực và cống hiến rất nhiều trong hành trình phục vụ triều đình, nhân dân.

---

(\*) Thạc sĩ; Email: [phongvn.ciscom@gmail.com](mailto:phongvn.ciscom@gmail.com). ĐT: 0914113819

<sup>1</sup> Trung tâm Lưu trữ quốc gia IV (2012), *Khoa bảng Trung bộ và Nam bộ qua tài liệu mộc bản triều Nguyễn*, NXB Chính trị quốc gia – Sự thật, tr.40.

<sup>2</sup> Nguyễn Đình Đầu (2010), *Địa bạ triều Nguyễn – Quảng Ngãi*, NXB Đại học Quốc gia Tp Hồ Chí Minh, tr.209.

<sup>3</sup> Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đông Khánh địa dư chí*, Quảng Ngãi tỉnh, tờ 16b.

<sup>4</sup> *Annuaire général de l'IndoChine, 1905*, tr.915.

<sup>5</sup> Trung tâm Lưu trữ quốc gia IV (2012), *Khoa bảng Trung bộ và Nam bộ qua tài liệu mộc bản triều Nguyễn*, NXB Chính trị quốc gia – Sự thật, tr.287.

<sup>6</sup> Trung tâm Lưu trữ quốc gia IV (2012), *Khoa bảng Trung bộ và Nam bộ qua tài liệu mộc bản triều Nguyễn*, NXB Chính trị quốc gia – Sự thật, tr.147.

Tạ Tương đỗ cử nhân vào khoa thi hương năm Mậu tý (1888) tại trường thi hương Thừa Thiên<sup>7</sup>. Sau khi đỗ cử nhân ông được bổ quan với chức khá nhỏ, theo Bia đề tên tiến sĩ năm Nhâm thìn (1892) cho biết ông xuất thân cử nhân với chức Tư vụ phủ Phụ chính<sup>8</sup>. Bốn năm sau ông đỗ Đệ tam giáp (Đồng tiến sĩ xuất thân) ở khoa thi hội năm Nhâm thìn (1892) niên hiệu Thành Thái thứ 4. Khoa thi năm 1892 có Vũ Phạm Hàm đỗ Đệ nhất giáp (Tiến sĩ cập đệ đệ tam danh), Nguyễn Thượng Hiền đỗ Đệ nhị giáp (Tiến sĩ xuất thân) và 7 người đỗ Đệ tam giáp (Đồng tiến sĩ xuất thân), trong 6 tiến sĩ đỗ Đệ tam giáp còn lại có một người trùng tên với con ông là Tiến sĩ Tạ Hàm người Quảng Bình<sup>9</sup>. Sau khi đỗ thi hội năm 1892, tiến sĩ Tạ Tương được bổ quan làm tri phủ Thăng Bình, trật tòng ngũ phẩm<sup>10</sup>. Xác định năm 1892 là năm ông bắt đầu được bổ quan, cho dù trước đó đã thấy ông làm chức Tư vụ phủ Phụ Chính, vì theo nghị định ngày 24/7/1912 về việc tặng Bắc Đẩu bội tinh ngũ đẳng, mô tả cho thấy ông đã trải “20 năm công tác”<sup>11</sup>, có nghĩa là năm 1892 ông bắt đầu làm quan. Đây là quãng thời gian ông làm quen với việc điều hành của một viên chức nhà nước. Đến năm 1895, ông nằm dưới trướng của Hiệp biện Đại học sĩ - Khâm mệnh Tiết chế quân vụ đại thần - Diên Lộc nam Nguyễn Thân, với chức tán tương<sup>12</sup>. Đây là giai đoạn Diên Lộc nam Nguyễn Thân trông coi việc tiểu phủ ở các tỉnh từ Quảng Bình tới Thanh Hóa thuộc Hữu Trục kỳ và tiến sĩ Tạ Tương nằm trong đoàn quân ấy. Năm 1896 tiến sĩ Tạ Tương được thăng hàm Quang lộc tự thiếu khanh<sup>13</sup>, trật tòng tứ phẩm<sup>14</sup>.

Đến năm 1897 tiến sĩ Tạ Tương làm Biện lý bộ Lễ. Năm này ở khoa thi hương tại trường thi Thừa Thiên ông làm Phó chủ khảo<sup>15</sup> và trường thi Thừa Thiên năm này có 32 người đỗ. Chưa rõ ông làm ở bộ Lễ đến năm nào, tuy nhiên đến năm 1900-1901 không thấy ghi chép ông làm việc ở lục bộ. Năm

---

<sup>7</sup> Trung tâm Lưu trữ quốc gia IV (2012), *Khoa bảng Trung bộ và Nam bộ qua tài liệu mộc bản triều Nguyễn*, NXB Chính trị quốc gia – Sự thật, tr.348.

<sup>8</sup> Đỗ Văn Ninh (1996), “Bia đề tên tiến sĩ triều Nguyễn (tiếp theo và hết)”, Viện sử học, *Nghiên cứu lịch sử*, số 284, năm 1996, tr.73.

<sup>9</sup> Đỗ Văn Ninh (1996), “Bia đề tên tiến sĩ triều Nguyễn (tiếp theo và hết)”, Viện sử học, *Nghiên cứu lịch sử*, số 284, năm 1996, tr.73,74.

<sup>10</sup> E. Sombsthay (1898), *Annam et Tonkin. Cours de législation et d'administration annamites*, Paris, Librairie africaine & Coloniale, tr.13.

<sup>11</sup> *Bulletin officiel du Ministère des colonies 1912*, tr.1333.

<sup>12</sup> Cao Tự Thanh dịch (2012), Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục – Chính biên Đệ lục kỷ Phụ biên*, NXB Văn hóa – Văn nghệ, tr.243.

<sup>13</sup> Cao Tự Thanh dịch (2012), Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục – Chính biên Đệ lục kỷ Phụ biên*, NXB Văn hóa – Văn nghệ, tr.267.

<sup>14</sup> E. Sombsthay (1898), *Annam et Tonkin. Cours de législation et d'administration annamites*, Paris, Librairie africaine & Coloniale, tr.12.

<sup>15</sup> Trung tâm Lưu trữ quốc gia IV (2012), *Khoa bảng Trung bộ và Nam bộ qua tài liệu mộc bản triều Nguyễn*, NXB Chính trị quốc gia – Sự thật, tr.363.

1902-1903 ông làm đốc học tỉnh Bình Định<sup>16</sup>, lúc này đứng đầu Bình Định là tổng đốc Dương Lâm (người Hà Nội), bố chánh là Phan Huy Dong (người Sơn Tây), án sát là Trần Tiên Hối (người Thừa Thiên). Năm 1905 ông trở lại làm Biện lý bộ Lễ, lúc này thượng thư bộ Lễ là Lê Trinh (người Quảng Trị). Tuy nhiên ông chỉ tại chức này 1 năm vì qua năm sau là 1906 ông được thăng thị lang bộ Hình, trật chánh tam phẩm<sup>17</sup>. Đây là giai đoạn ông tại chức này khá lâu, thượng thư bộ Hình lần lượt là Huỳnh Côn (người Quảng Bình) và Tôn Thất Hân (người Thừa Thiên). Cũng ở trong năm 1906 ông làm chánh chủ khảo trường thi hương Thừa Thiên.

Đến năm 1909 ông được thăng lên làm tham tri bộ Hình, trật tùng nhị phẩm<sup>18</sup>. Tuy nhiên không rõ vì sao chỉ ngay năm sau ông chuyển lại làm thị lang bộ Hình và tại chức trong năm 1910. Đến năm 1911 ông quay lại chức tham tri bộ Hình và cũng năm này ông được thăng thự thượng thư<sup>19</sup>. Đến năm 1912 ông được thăng chức tổng đốc Bình Phú, trật chánh nhị phẩm<sup>20</sup>, lãnh hàm thượng thư bộ Binh<sup>21</sup>. Cũng trong năm này vào tháng 7, ông được chính quyền bảo hộ trao tặng Bắc Đẩu bội tinh ngũ đẳng<sup>22</sup>. Năm 1914 ông chuyển về Quảng Nam làm tổng đốc Nam Ngãi và đến năm 1915 ông cáo quan về hưu, được thăng hàm Hiệp biện đại học sĩ hưu trí<sup>23</sup>, trật tùng nhất phẩm<sup>24</sup>. Năm Nhâm ngo

---

<sup>16</sup> *Annuaire général de l'IndoChine, 1902*. Từ đây chức vụ tiền sĩ Tạ Tương được tham khảo từ nguồn này là chủ yếu.

<sup>17</sup> E. Sombsthay (1898), *Annam et Tonkin. Cours de législation et d'administration annamites*, Paris, Librairie africaine & Coloniale, tr.11.

<sup>18</sup> E. Sombsthay (1898), *Annam et Tonkin. Cours de législation et d'administration annamites*, Paris, Librairie africaine & Coloniale, tr.11.

<sup>19</sup> Cao Tự Thanh dịch (2012), Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục – Chính biên Đế lục kỷ Phụ biên*, NXB Văn hóa – Văn nghệ, tr.600.

<sup>20</sup> E. Sombsthay (1898), *Annam et Tonkin. Cours de législation et d'administration annamites*, Paris, Librairie africaine & Coloniale, tr.10.

<sup>21</sup> Paulus Của (1888), *Sách quan chế des titres civils et militaires Francais avec leur traduction en Quốc-ngữ*, Saigon, Bản in nhà nước, tr.65.

<sup>22</sup> *Bulletin officiel du Ministère des colonies 1912*, tr.1333.

<sup>23</sup> Cao Tự Thanh dịch (2012), Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục – Chính biên Đế lục kỷ Phụ biên*, NXB Văn hóa – Văn nghệ, tr.700.

<sup>24</sup> E. Sombsthay (1898), *Annam et Tonkin. Cours de législation et d'administration annamites*, Paris, Librairie africaine & Coloniale, tr.10.

(1942) ông qua đời, hưởng thọ 85 tuổi và được gia hàm Đông Các Đại học sĩ<sup>25</sup>, trật chánh nhất phẩm<sup>26</sup>.

Trải qua chuỗi thời gian 23 năm làm chốn quan trường, khởi sự từ chức tri phủ Thăng Bình, tán tương quân thứ ở Hữu Trục kỳ, đốc học Bình Định ở địa phương, ông lần lượt vươn lên các chức ở lục bộ triều đình từ biện lý bộ Lễ, thị lang và tham tri bộ Hình, sau cùng thăng tổng đốc Bình Phú và tổng đốc Nam Ngãi, lãnh hàm thượng thư bộ Binh, làm quan trải qua các triều Thành Thái và Duy Tân. Quốc sử quán triều Nguyễn đã mô tả tóm tắt cuộc đời ông rất đặc biệt: “khoa giáp xuất thân, trải làm quan trong ngoài, từng sung nhung vụ, dự trải gian lao”<sup>27</sup>, cho thấy ông kinh qua nhiều chức vụ từ võ quan đến văn quan, từ chiến trận đến hành chính, mặt nào cũng hoàn thành. Ông là người học rộng tài cao mãi tiếp, ở giai đoạn sau trong một thời gian ngắn ông được thăng hàm rất nhanh, từ chánh tam phẩm (1906) lên chánh nhị phẩm (1912) chỉ trong vòng 6 năm. Ông cũng là một trong những người có thời gian ở chốn quan trường ít (23 năm) nhưng lại lên chức khá cao là tổng đốc, trật chánh nhị phẩm. Tiến sĩ Tạ Tương là một nhân vật khoa bảng mẫu mực ở đất Quảng Ngãi, vùng đất nắng gió đầy gian khổ nhưng luôn sản sinh những nhân vật xuất chúng cho Việt Nam. Ở đó tiến sĩ Tạ Tương là một nhân vật điển hình và mẫu mực về khoa bảng cùng sự nghiệp quan trường, ông có những công hiến đầy vinh dự của một trí thức xứ Quảng.

### ***Tài liệu tham khảo:***

1. *Annuaire général de l'IndoChine, 1902.*
2. *Annuaire général de l'IndoChine, 1905.*
3. *Bulletin officiel du Ministère des colonies 1912.*
4. Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đông Khánh địa dư chí*, Quảng Ngãi tỉnh.
5. Cao Tự Thanh dịch (2012), Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục – Chính biên Đệ lục kỷ Phụ biên*, NXB Văn hóa – Văn nghệ.
6. Đỗ Văn Ninh (1996), “Bia đề tên tiến sĩ triều Nguyễn (tiếp theo và hết)”, Viện sử học, *Nghiên cứu lịch sử*, số 284, năm 1996.

---

<sup>25</sup> Theo văn bia ở mộ tiến sĩ Tạ Tương, do cụ Tạ Ư là chất nội lập vào năm 1997, bia ghi bằng chữ Hán và chữ quốc ngữ: “*Tam giáp đồng tiến sĩ – Đông Các Đại học sĩ – Tứ đại đồng đường – Bát thập thọ quan*”. Ở hàm này có lẽ đúng phải là Đông Các điện Đại học sĩ, đây là một trong tứ trụ ở triều Nguyễn là Càn Chánh điện Đại học sĩ, Văn Minh điện Đại học sĩ, Võ Hiến điện Đại học sĩ và Đông Các điện Đại học sĩ.

<sup>26</sup> E. Sombsthay (1898), *Annam et Tonkin. Cours de législation et d'administration annamites*, Paris, Librairie africaine & Coloniale, tr.10.

<sup>27</sup> Cao Tự Thanh dịch (2012), Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục – Chính biên Đệ lục kỷ Phụ biên*, NXB Văn hóa – Văn nghệ, tr.700.

7. E. Sombsthay (1898), *Annam et Tonkin. Cours de législation et d'administration annamites*, Paris, Librairie africaine & Coloniale.
8. Nguyễn Đình Đầu (2010), *Địa bạ triều Nguyễn – Quảng Ngãi*, NXB Đại học Quốc gia Tp Hồ Chí Minh.
9. Paulus Của (1888), *Sách quan chế des titres civils et militaires Francais avec leur traduction en Quốc-ngữ*, Saigon, Bản in nhà nước.
10. Trung tâm Lưu trữ quốc gia IV (2012), *Khoa bảng Trung bộ và Nam bộ qua tài liệu mộc bản triều Nguyễn*, NXB Chính trị quốc gia – Sự thật.